

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 95/2015/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị N, sinh năm 1980;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 02, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Ngõ 78, đường HVT, Tổ 14, phường TL, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Bùi Hữu H1, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Tổ 02, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Bùi Thị H2, sinh năm 1954;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 27/85, phường V, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Tổ 4B, phường D, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

3.2. Cháu Bùi Hữu H4, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012;

Nơi cư trú: Ngõ 78, đường HVT, Tổ 14, phường TL, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Bùi Hữu H4:

- Chị Mai Thị N, sinh năm 1980;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 02, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Ngõ 78, đường HVT, Tổ 14, phường TL, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Anh Bùi Hữu H1, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Tổ 02, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị N và anh Bùi Hữu H1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung:

Chị Mai Thị N và anh Bùi Hữu H1 có 03 con chung là Bùi Trà M, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2002, Bùi Hữu H3, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2002 và Bùi Hữu H4, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012.

Ly hôn, chị Mai Thị N và anh Bùi Hữu H1 thống nhất thỏa thuận: Chị Mai Thị N trực tiếp nuôi dạy hai con Bùi Trà M và Bùi Hữu H4, anh Bùi Hữu H1 trực tiếp nuôi dạy con Bùi Hữu H3, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Mai Thị N và anh Bùi Hữu H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

2.2. Về quan hệ tài sản:

Chị Mai Thị N, anh Bùi Hữu H1, chị Bùi Thị H2 đã tự thỏa thuận giải quyết về tài sản và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của chị N, anh H1, chị H2, cụ thể như sau:

[1] Về tài sản chung: Tài sản chung của chị Mai Thị N và anh Bùi Hữu H1 gồm quyền sử dụng 182,2m² đất (gồm 72,3m² đất thổ cư và 109,9m² đất trồng cây hàng năm) tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 13 tại tổ 02, phường HD,

thành phố T, tỉnh Thái Bình và nhà mái bằng 01 tầng, công trình phụ không khép kín xây dựng trên đất.

Về công nợ chung: Chị Mai Thị N và anh Bùi Hữu H1 nợ chị Bùi Thị H2 số tiền 160.000.000 đồng, không tính lãi.

[2] Chị N và anh H1 thống nhất tặng cho cháu Bùi Hữu H4 quyền sử dụng 47,56m² đất, loại đất trồng cây hàng năm trong tổng số 182,2m² đất chị N, anh H1 đã được UBND thành phố Thái Bình cấp GCNQSDĐ số CHxxxx/HD-TP ngày 15 tháng 12 năm 2011 tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 13 tại tổ 02, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình và toàn bộ tài sản xây dựng trên đất, tứ cận thửa đất như sau:

- Phía Đông dài 11,6m giáp diện tích đất anh H1 đang sử dụng;
- Phía Tây dài 11,6m giáp đất bà L;
- Phía Nam dài 4,1m giáp ngõ đi chung;
- Phía Bắc dài 4,1m giáp đất nhà ông T;

Do hiện nay cháu Bùi Hữu H4 chưa đủ 18 tuổi nên chị N, anh H1 có trách nhiệm quản lý tài sản anh chị đã tặng cho cháu Bùi Hữu H4 đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi. Anh H1, chị N không có quyền thực hiện các giao dịch dân sự liên quan đến thửa đất của cháu Huy.

[3] Phần diện tích đất còn lại sau khi tặng cho cháu Bùi Hữu H4 tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 13 tại tổ 02, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình, anh Bùi Hữu H1 được toàn quyền quản lý và sử dụng. Anh Bùi Hữu H1 có trách nhiệm trả chị Bùi Thị H2 số tiền 160.000.000 đồng là khoản nợ anh H1, chị N vay chị H2.

[4] Anh Bùi Hữu H1 không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Mai Thị N.

2.3. Về án phí:

Chị Mai Thị N tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 150.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005574 ngày 21 tháng 7 năm 2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình sang thành án phí. Trả lại chị Mai Thị N 2.150.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005574 ngày 21 tháng 7 năm 2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH:
UBND p. HD, thành phố T, tỉnh
Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Linh Nga

Cháu Bùi Hữu H4 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vì cháu Huy là trẻ em và người đại diện hợp pháp của cháu Huy là chị Mai Thị N, anh Bùi Hữu H1 có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.